TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16/3/2020
V/v: "Tranh chấp ly hôn và con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đình Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ba.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/3/2020 tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 927/2019/TLST – HNGĐ ngày 18/12/2019 về "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST– HNGĐ ngày 27/02/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Th, sinh năm 1989.
Địa chỉ: A, ấp ĐM, xã LP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984.
Địa chỉ: C, ấp AV, xã BA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Chị Th có mặt; anh T có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BA. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn, ghen tuông, đánh đập vợ vô cớ. Mấy năm gần đây anh T lại sử dụng ma túy, thường xuyên đe dọa vợ nên chị đã về nhà mẹ ruột ở ấp Đất Mới, xã Long Phước ở từ tháng 9/2018 đến nay. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 cháu tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 09/10/2010; Nguyễn Anh K1, sinh ngày 10/12/2015. Ly hôn, chị xin nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/02/2020, anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Th là vợ chồng, có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống giữa anh và chị Th có xảy ra mâu thuẫn và xô xát với nhau. Chị Th đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống từ giữa năm 2019 tới nay. Nguyên nhân là do anh ghen tuông, nghi ngờ chị Th có mối quan hệ bất chính bên ngoài. Nay, chị Th có đơn xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 02 cháu tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 09/10/2010; Nguyễn Anh K1, sinh ngày 10/12/2015. Anh đồng ý giao 02 cháu cho chị Th nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Th và anh T được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án chấp nhận đơn ly hôn của chị Th.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cả 02 cháu K, K1 cho chị Th nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Nguyễn Văn T hiện cư trú tại xã BA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: chị Trương Thị Th khởi kiện xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T và giải quyết vấn đề con chung. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Thành căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ là "Tranh chấp ly hôn và con chung".

- Anh T là bị đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như các phiên tòa xét xử. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Nội dụng vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Th và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên chị Th xin được ly hôn.

Anh Nguyễn Văn T cũng xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, thậm chí xảy ra xô xát do anh nghen tuông. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trương Thị Th và anh Nguyễn Văn T là có thật, điều này đều được các bên thừa nhận. Chị Th và anh T đều thống nhất ly hôn, nhưng do anh T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành công nhận thuận tình ly hôn được. Do đó, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Th, cho chị Trương Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn T là phù hợp.

Về con chung: Anh chị có 02 cháu tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 09/10/2010; Nguyễn Anh K1, sinh ngày 10/12/2015. Chị Th và anh T đều thống nhất giao cả 02 cháu cho chị Th nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Việc thống nhất người trực tiếp nuôi con chung và vấn đề cấp dưỡng sau ly hôn của chị Th, anh T là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên ghi nhận.

Tài sản chung và nợ chung: các đương sự trình bày không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí HNGĐ - ST: chị Th phải nộp 300.000đ án phí ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 203, 220, 228, 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2002; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị Th.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: có 02 cháu tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 09/10/2010; Nguyễn Anh K1, sinh ngày 10/12/2015.

Giao cháu K, K1 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi vị trí người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Về án phí HNGĐ – ST: Chị Th phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành theo biên lai thu số 0002842 ngày 13/12/2019.

Chị Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKS ND tỉnh Đồng Nai;*
- *T.H.A dân sự H. Long Thành;*
- *VKS H. Long Thành;*
- *Các đương sự;*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn;*
- *Lưu HS, VP.*

Nguyễn Đình Trung